

Số: 153/QĐ-UBND

Nam Xang, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công bố công khai dự toán thu, chi**  
**ngân sách nhà nước Xã Nam Xang năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM XANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Nam Xang về phê chuẩn dự toán và phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Nam Xang.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Xã Nam Xang năm 2026 (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính (đề b/c);
- TT ĐU, TT HĐND (đề b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Trung



Biểu số 01/NS

**NHIỆM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng thu ngân sách nhà nước	Thu ngân sách địa phương
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>449.379.000</b>	<b>300.982.000</b>
<b>A</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>297.061.000</b>	<b>145.664.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết</b>	<b>26.061.000</b>	<b>18.717.000</b>
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý		0
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý		0
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	14.147.000	13.990.000
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>13.471.000</i>	<i>13.471.000</i>
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>496.000</i>	<i>496.000</i>
	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>155.000</i>	0
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>25.000</i>	<i>23.000</i>
4	Lệ phí trước bạ	7.598.000	1.784.000
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	12.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	2.233.000	1.639.000
7	Thu phí, lệ phí	193.000	23.000
8	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	66.000	28.000
9	Thu khác ngân sách (bao gồm thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản tại xã)	1.100.000	1.100.000
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		0
11	Thu khác còn lại cấp xã	712.000	141.000
<b>II</b>	<b>Tiền sử dụng đất</b>	<b>271.000.000</b>	<b>126.947.000</b>
<b>B</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>152.318.000</b>	<b>155.318.000</b>
1	Bổ sung cân đối	152.318.000	152.318.000
2	Bổ sung có mục tiêu	0	3.000.000



Biểu số: 02/NS

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026**

ĐVT: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN CHI NĂM 2026	GHI CHÚ
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>300.982.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>138.287.000.000</b>	
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	126.947.000.000	
2	Chi từ nguồn tập trung	11.340.000.000	
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>156.585.000.000</b>	
1	Văn phòng Đảng ủy	9.492.597.000	
2	UBMT Tổ quốc	4.024.742.800	
3	Văn phòng HĐND và UBND	12.953.885.900	
+	Văn phòng UBND xã - HĐND xã	8.610.656.900	
+	Trung tâm HCC	1.058.895.000	
+	Quân sự	1.317.334.000	
+	Công an	1.286.000.000	
+	Hưu xã	681.000.000	
4	Phòng kinh tế	9.627.239.000	
5	Phòng văn hóa xã hội	27.688.047.000	
6	Trạm y tế xã	4.507.842.000	
7	Khối trường	67.411.374.000	
7.1	Trường Mầm non Công Lý	6.339.451.000	
7.2	Trường Mầm non Nguyên Lý	5.746.034.000	
7.3	Trường Mầm non Đức Lý	7.231.193.000	
7.4	Trường Tiểu học Công Lý	10.149.099.000	
7.5	Trường Tiểu học Nguyên Lý	8.145.976.000	
7.6	Trường Tiểu học Đức Lý	7.833.800.000	
7.7	Trường THCS Công Lý	8.364.340.000	
7.8	Trường THCS Nguyên Lý	7.614.804.000	
7.9	Trường THCS Đức Lý	5.986.677.000	
<b>III</b>	<b>Dự toán còn lại chưa phân bổ</b>	<b>20.879.272.300</b>	
1	Chuyển đổi số, chỉnh lý HS	2.671.558.300	
2	Sự nghiệp giáo dục	18.207.714.000	
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6.110.000.000</b>	